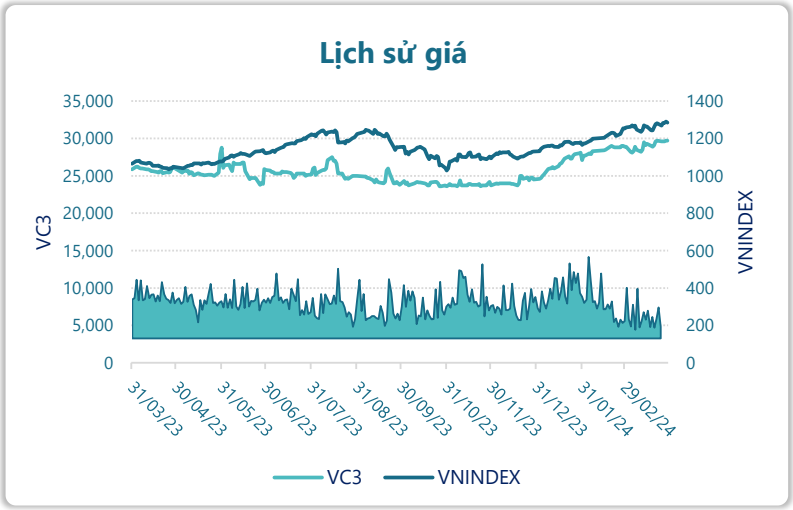
FireAnt

CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông (HNX: VC3)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**29,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,600
SL cổ phiếu LH	111,742,198
KLGD BQ 20 phiên (CP)	727,140
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,319
P/E	23.3
EPS	1,275

DT thuần

Q1/24

83.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼339| -80.2%

YoY: ▲ 13.2| 18.9%

LN sau thuế

Q1/24

9.12

tỷ VNĐ

QoQ: ▼76.8| -89.4%

YoY: ▼0.05| -0.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

23.3%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2023

806

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 292| 56.8%

LN sau thuế

2023

141

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 67.6| 92.2%

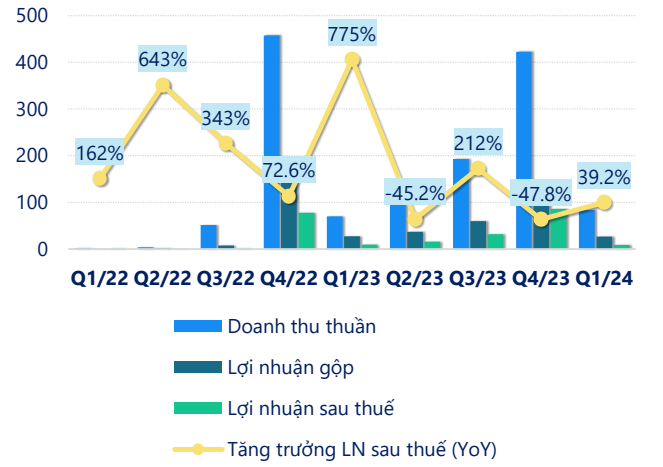
ROE

2023

11.1%

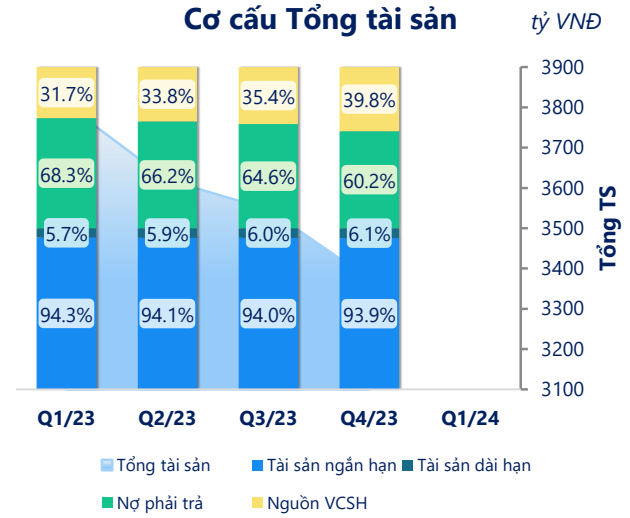
+/- YoY: ▲ 3.7%

Kết quả kinh doanh



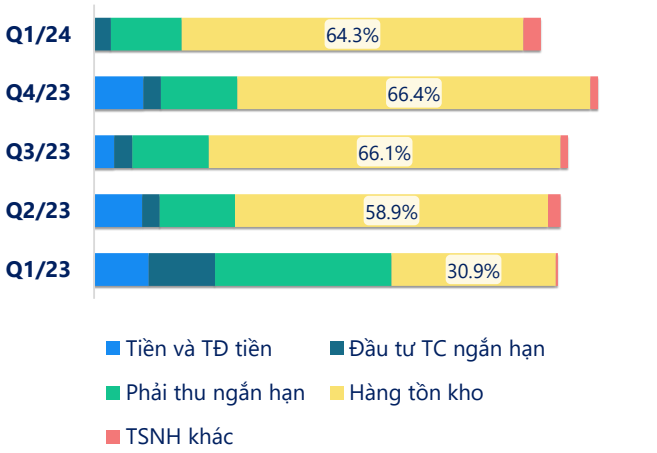
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



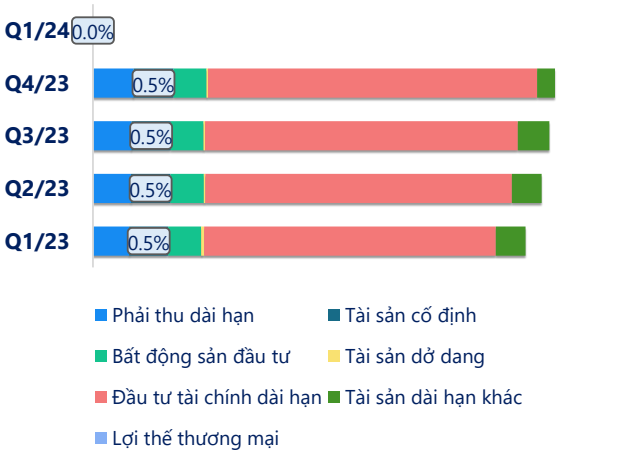
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



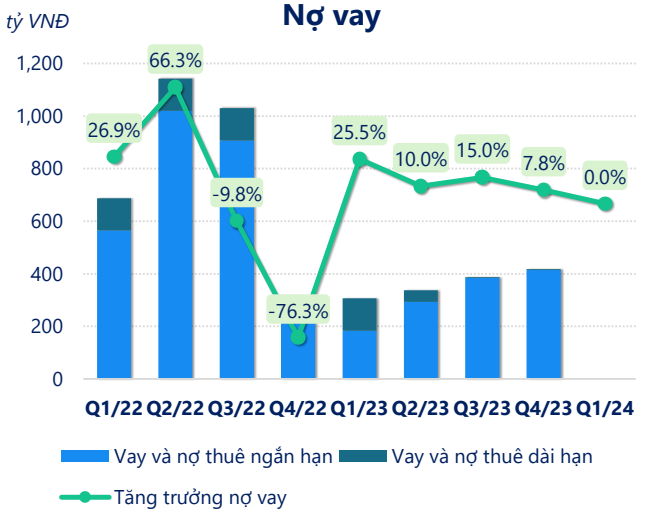
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



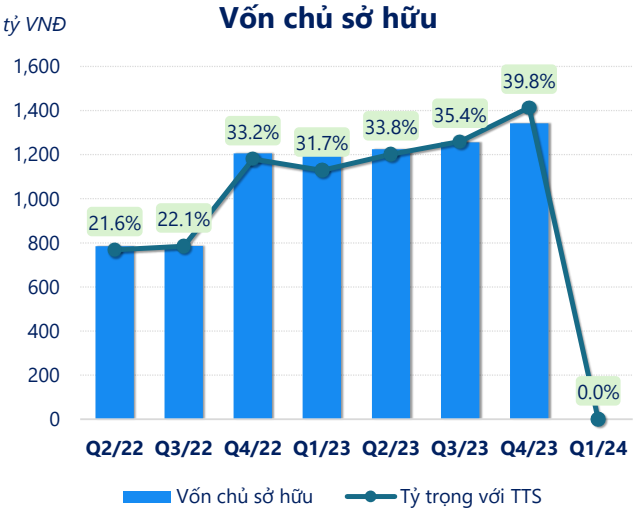
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



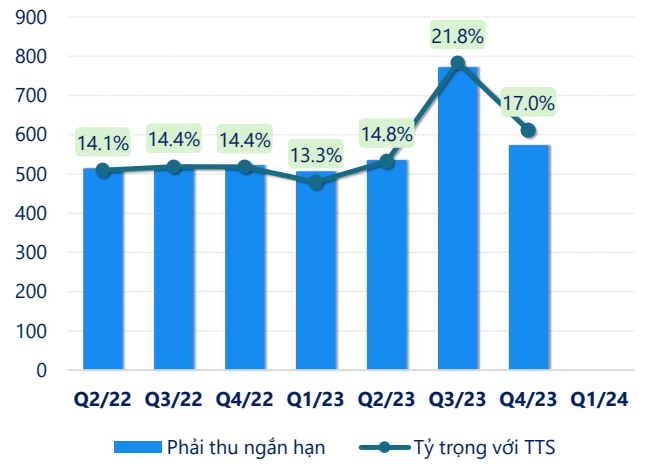
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



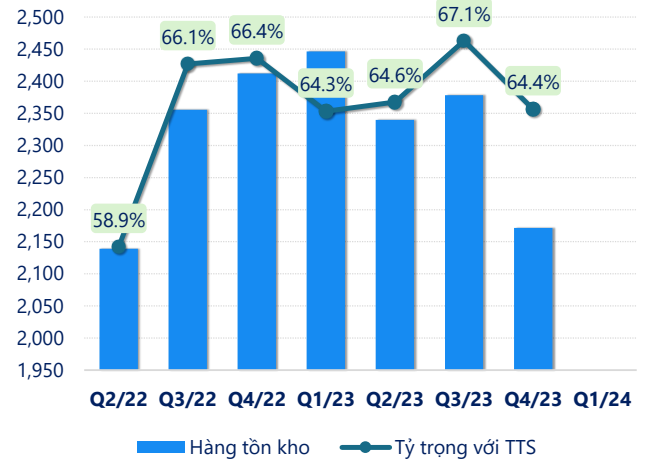
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



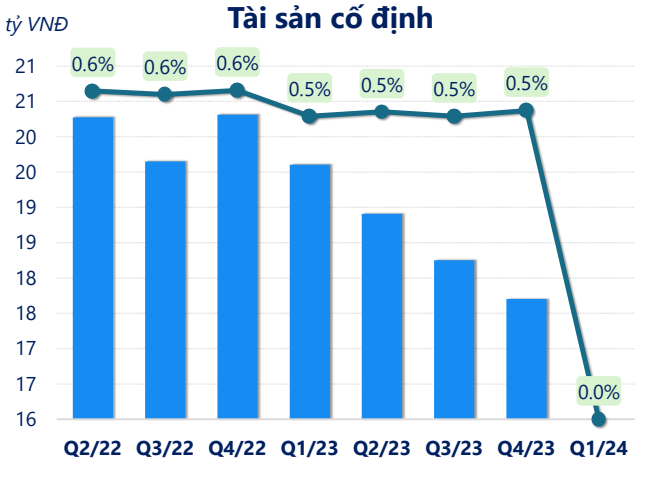
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



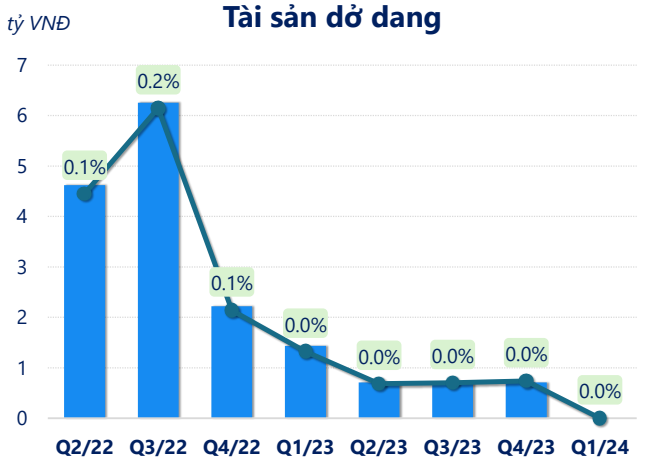
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



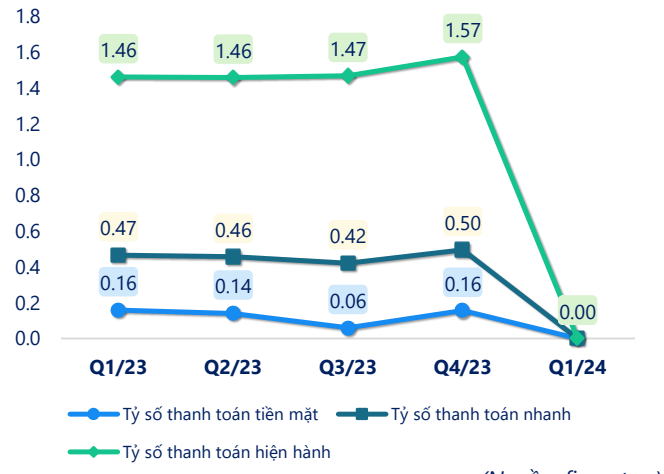
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



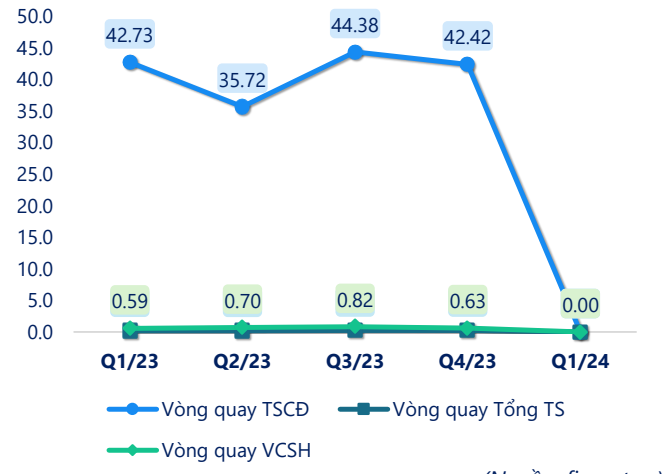
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**3,807**	**3,621**	**3,546**	**3,375**	
Tài sản ngắn hạn	**3,590**	**3,407**	**3,333**	**3,169**	
Tiền và tương đương tiền	390	328	135	313	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	40.0	0	0	
Phải thu ngắn hạn	507	535	772	573	
Hàng tồn kho	2,446	2,340	2,378	2,172	
Tài sản ngắn hạn khác	127	164	48.5	111	
Tài sản dài hạn	**217**	**214**	**213**	**205**	
Phải thu dài hạn	18.1	18.0	18.0	18.0	
Tài sản cố định	19.6	18.9	18.3	17.7	
Bất động sản đầu tư	16.5	15.9	15.3	14.7	
Tài sản dở dang	1.44	0.71	0.71	0.71	
Đầu tư tài chính dài hạn	146	146	146	146	
Tài sản dài hạn khác	14.9	14.2	14.8	7.86	
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	
Nợ phải trả	**2,599**	**2,397**	**2,290**	**2,033**	
Nợ ngắn hạn	**2,457**	**2,336**	**2,270**	**2,014**	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	183	294	384	414	
Phải trả người bán ngắn hạn	404	366	378	459	
Nợ dài hạn	142	61.0	20.1	19.1	
Vay và nợ thuê dài hạn	123	43.4	3.27	3.18	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,208**	**1,224**	**1,256**	**1,342**	
Vốn chủ sở hữu	**1,208**	**1,224**	**1,256**	**1,342**	
Vốn điều lệ	1,002	1,002	1,117	1,117	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)